



shàng gōu

上钩

verb phrase · to take the bait; to be hooked

Example Sentences

zhè tiáo yú zhōng yú shàng gōu le

这条鱼终于上钩了。

This fish finally took the bait.

tā shè le yī gè piàn jú jié guǒ zhēn de yǒu rén shàng gōu

他设了一个骗局，结果真的有人上钩。

He set up a scam, and someone actually took the bait.

Trace each character, then write the word on your own.

上	上	上	上	上	上															
钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩	钩									
钩																				